

Tăng tỷ trọng

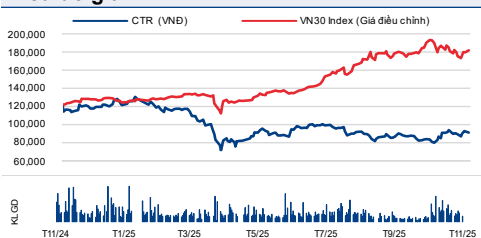
Giá mục tiêu: VNĐ106,000

Tiềm năng tăng/giảm: 14.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/11/2025)	93,000
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	72,126-130,589
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	92,267
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	10,638
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	403
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,610	14,008	15,920
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,231	1,403
LNTT (tỷ đồng)	672	754	840
LNT ĐC (tỷ đồng)	403	452	504
FCF (tỷ đồng)	340	603	210
EPS ĐC (đồng)	3,522	3,955	4,405
DPS (đồng)	2,150	2,500	2,500
BVPS (đồng)	16,305	17,760	19,665
T.trưởng EBITDA (%)	13.4	19.2	14.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.44	12.3	11.4
Tăng trưởng DPS (%)	(21.0)	16.3	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.79	8.81
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.38	5.27
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.31	4.22
Tỷ lệ LN trả CT (%)	61.1	63.2	56.8
Nợ thuần/VCSH (%)	61.7	45.7	48.5
ROAE (%)	27.9	31.0	31.4
ROACE (%)	29.5	30.7	31.9
EV/doanh thu (lần)	0.83	0.75	0.66
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.2	8.54	7.50
P/E ĐC (lần)	26.4	23.5	21.1
P/B (lần)	5.70	5.24	4.73
Lợi suất cổ tức (%)	2.31	2.69	2.69

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 10/2025: Tăng trưởng chậm lại nhưng sát với dự báo

- Trong tháng 10/2025, cả doanh thu thuần (tăng 4% so với cùng kỳ, đạt 1.306 tỷ đồng) và LNTT (tăng 2% so với cùng kỳ, đạt 63 tỷ đồng) đều tăng trưởng chậm lại.
- KQKD chịu ảnh hưởng bởi doanh thu mảng xây dựng giảm 9% so với cùng kỳ, do hoạt động thi công bị chậm lại trong tháng vì thiên tai. Trong khi đó, mảng giải pháp tích hợp tiếp tục nổi lên như một động lực tăng trưởng mới với doanh thu tăng mạnh 58% so với cùng kỳ, được dẫn dắt nhờ phân khúc năng lượng mặt trời.
- Đối với mảng cho thuê, CTR đã bổ sung 221 trạm BTS trong tháng 10/2025 (tính chung từ đầu năm: 1.550 trạm), và đang đi đúng tiến độ để đạt 2.000 trạm BTS mới trong năm nay.
- HSC duy trì dự báo, khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 106.000đ (tiềm năng tăng giá 14%).

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 10/2025 và 10 tháng đầu năm 2025

CTR ghi nhận KQKD tháng 10/2025 ở mức khiêm tốn nhưng sát với dự báo, với doanh thu thuần đạt 1.306 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ nhưng giảm 4% so với tháng trước) và LNTT đạt 63 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ nhưng giảm 16% so với tháng trước).

So với cùng kỳ, doanh thu thuần tăng nhờ doanh thu mảng giải pháp tích hợp tăng mạnh 58% và doanh thu mảng cho thuê hạ tầng tăng 27%, trong khi phần nào bị bù trừ bởi doanh thu mảng xây dựng giảm 9%. Bên cạnh đó, mảng vận hành mạng lưới ghi nhận doanh thu tăng 6% so với cùng kỳ.

So với tháng trước, doanh thu giảm ở mảng xây dựng (giảm 19%) và mảng giải pháp tích hợp (giảm 10%) do các hoạt động chịu ảnh hưởng từ thiên tai trong tháng (bão và lũ) tại cả khu vực miền Bắc và miền Trung. Trong khi đó, mảng vận hành mạng lưới và mảng cho thuê hạ tầng vẫn ghi nhận doanh thu cải thiện so với tháng trước do không bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết.

- Chúng tôi lưu ý rằng **mảng giải pháp tích hợp** được dẫn dắt bởi phân khúc năng lượng mặt trời, một động lực tăng trưởng mới mà chúng tôi đã phân tích trong báo cáo [‘Động lực tăng trưởng mới xuất hiện; duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng’](#) (ngày 17/11/2025). Trong tháng, CTR đã ký hợp đồng lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho 861 khách hàng, tương ứng giá trị hợp đồng chưa triển khai là 92 tỷ đồng, tăng 415% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tốc độ ký hợp đồng có phần chậm lại, so với đỉnh điểm bình quân 1.200 khách hàng/tháng trong Q3/2025 (nhiều khả năng do thời tiết mát hơn làm giảm nhu cầu sử dụng điện). Chúng tôi lưu ý rằng CTR hiện là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường lắp đặt điện mặt trời, với thị phần 45% trên toàn quốc trong 9 tháng đầu năm 2025. Tính chung 10 tháng đầu năm 2025, doanh thu từ lắp đặt điện mặt trời tăng mạnh 170% so với cùng kỳ đạt 857 tỷ đồng, chiếm 53% doanh thu của mảng giải pháp tích hợp.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 19/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD T10/2025 và 10 tháng đầu năm 2025, CTR

Trong tháng 10/2025, cả doanh thu thuần và LNTT đều tăng trưởng chậm lại

Tỷ đồng	T10-24	T10-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	10T24	10T25	So với cùng kỳ	% hoàn thành
Doanh thu thuần	1,250	1,306	4.5%	-3.8%	10,391	11,314	8.9%	80.8%
LNTT	62	63	2.1%	-16.1%	545	609	11.6%	80.7%

Nguồn: CTR, HSC

- Đối với **mạng cho thuê hạ tầng**, doanh thu tăng 27% so với cùng kỳ trong tháng 10/2025 (đạt 74 tỷ đồng) và tăng 40% so với cùng kỳ trong 10 tháng đầu năm 2025 (đạt 708 tỷ đồng). Trong tháng 10/2025, CTR đã bổ sung 221 trạm BTS mới, đưa tổng số lên 11.550 trạm vào cuối tháng 10/2025 (tăng 1.550 trạm từ đầu năm). Như vậy, CTR đang đi đúng tiến độ để đạt 12.000 trạm BTS vào cuối năm 2025 (theo ước tính của HSC và kế hoạch của Công ty). Tính đến cuối tháng 10/2025, có 405 trạm BTS (tăng 20 trạm so với cuối tháng 9/2025) có hơn một khách thuê, đưa tỷ lệ dùng chung trạm lên 1,035, cải thiện nhẹ so với mức 1,034 đã duy trì trong thời gian qua.
- Bất chấp doanh thu tháng 10/2025 giảm 9% so với cùng kỳ (xuống 391 tỷ đồng), **mạng xây dựng** vẫn ghi nhận doanh thu tăng 14% so với cùng kỳ trong 10 tháng đầu năm 2025 đạt 3,8 nghìn tỷ đồng.
- Trong khi đó, **mạng vận hành mạng lưới** ghi nhận tăng trưởng khiêm tốn 6% so với cùng kỳ trong tháng 10/2025 (đạt 631 tỷ đồng) và chỉ tăng 1% so với cùng kỳ trong 10 tháng đầu năm 2025 đạt 5,1 nghìn tỷ đồng.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng

Tính chung 10 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần tăng 9% so với cùng kỳ đạt 11,3 nghìn tỷ đồng; trong khi LNTT tăng 12% so với cùng kỳ đạt 609 tỷ đồng, bằng 81% dự báo cho cả năm 2025 của HSC.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 106.000đ (tiềm năng tăng giá 14%). Cho năm 2025-2026, lợi nhuận thuần dự báo đạt lần lượt 603 tỷ đồng (tăng trưởng 12%) và 672 tỷ đồng (tăng trưởng 11%). Theo đó, lợi nhuận thuần Q4/2025 dự báo đạt 167 tỷ đồng (tăng 7% so với cùng kỳ nhưng giảm 1% so với quý trước).

Sau khi giá cổ phiếu tăng 16% trong 1 tháng qua, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 8,9 lần, thấp hơn 0,8 độ lệch chuẩn so với bình quân 4 năm ở mức 10,9 lần.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh, CTR

Trong T10/2025, doanh thu thuần tăng nhẹ 4% so với cùng kỳ, do doanh thu mảng xây dựng giảm 9% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	T10-24	OctT1025	So với cùng kỳ	So với tháng trước	10T24	10T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,250	1,306	4.5%	-3.8%	10,391	11,314	8.9%
Vận hành	596	631	5.8%	14.9%	5,062	5,126	1.3%
Xây dựng	430	391	-8.9%	-18.6%	3,349	3,806	13.6%
Giải pháp tích hợp	131	207	58.0%	-10.0%	1,387	1,621	16.8%
Cho thuê hạ tầng	59	74	26.8%	1.4%	507	708	39.5%

Nguồn: CTR

Bảng 3: Số trạm BTS bổ sung, CTR

CTR đã bổ sung thêm 221 trạm BTS trong T10-2025, nâng tổng số trạm BTS lên mức 11.550 tính đến cuối T10/2025

	T1-25	T2-25	T3-25	T4-25	T5-25	T6-25	T7-25	T8-25	T9-25	T10-25
Tổng số trạm BTS	10,047	10,114	10,350	10,470	10,610	10,770	10,930	11,117	11,329	11,550
Số trạm BTS mới	47	67	236	120	140	160	160	187	212	221
Lũy kế từ đầu năm	47	114	350	470	610	770	930	1,117	1,329	1,550
Số trạm dùng chung	338	340	340	350	358	363	370	375	385	405
Tỷ lệ dùng chung trạm	1.034	1.034	1.033	1.033	1.034	1.034	1.034	1.034	1.034	1.035

Nguồn: CTR

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,370	12,610	14,008	15,920	17,738
Lợi nhuận gộp	902	884	1,001	1,134	1,265
Chi phí BH&QL	(248)	(169)	(210)	(239)	(266)
Thu nhập khác	2.82	3.98	0	0	0
Chi phí khác	(4.96)	(6.50)	(5.60)	(6.37)	(7.10)
EBIT	652	713	785	889	992
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(31.1)	(49.6)	(51.8)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	656	672	754	840	940
Chi phí thuế TNDN	(131)	(134)	(151)	(168)	(188)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	525	538	603	672	752
Lợi nhuận thuần ĐC	397	403	452	504	564
EBITDA ĐC	910	1,032	1,231	1,403	1,570
EPS (đồng)	3,472	3,522	3,955	4,405	4,931
EPS ĐC (đồng)	3,472	3,522	3,955	4,405	4,931
DPS (đồng)	2,720	2,150	2,500	2,500	3,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	819	887	1,586	1,420	1,298
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	560	637	710
Phải thu khách hàng	2,999	2,937	3,082	3,343	3,548
Hàng tồn kho	790	610	630	700	763
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	134	119	127	133
Tổng tài sản ngắn hạn	5,689	5,421	5,978	6,228	6,450
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.16	(88.8)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	829	1,223	1,438	1,587	1,676
Đầu tư dài hạn	153	252	252	252	252
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.7	19.7	21.9	24.9	27.7
Tổng tài sản dài hạn	1,302	1,685	1,812	1,871	1,866
Tổng cộng tài sản	6,991	7,106	7,789	8,099	8,316
Nợ ngắn hạn	1,196	1,052	1,401	1,274	1,064
Phải trả người bán	581	608	700	796	887
Nợ ngắn hạn khác	1,987	2,388	2,351	2,351	2,351
Tổng nợ ngắn hạn	4,602	4,653	5,134	5,185	5,150
Nợ dài hạn	378	573	623	664	696
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	392	588	623	664	696
Tổng nợ phải trả	4,994	5,241	5,758	5,849	5,846
Vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,032	2,249	2,470
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,032	2,249	2,470
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,991	7,106	7,789	8,099	8,316
BVPS (đ)	17,456	16,305	17,760	19,665	21,596
Nợ thuần/(tiền mặt)	755	738	438	518	463

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	652	713	785	889	992
Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(514)	(578)
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(31.1)	(49.6)	(51.8)
Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(151)	(168)	(188)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	465	5.47	(153)	(92.5)
Khác	96.6	(133)	125	(253)	(263)
LCT thuần từ HKKD	573	1,141	1,173	780	971
Đầu tư TS dài hạn	(483)	(801)	(570)	(570)	(570)
Góp vốn & đầu tư	(2,222)	(1,651)	0	0	0
Thanh lý	0	1.11	0	0	0
Khác	2,546	1,850	(2.19)	(2.99)	(2.84)
LCT thuần từ HĐĐT	(159)	(600)	(572)	(573)	(573)
Cổ tức trả cho CSH	(117)	(525)	(286)	(286)	(343)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	108	51.4	399	(86.9)	(177)
Khác	0	0	(15.3)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9.31)	(474)	97.8	(373)	(520)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	887	1,586	1,420
LCT thuần trong kỳ	404	66.8	699	(166)	(122)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	818	885	1,586	1,420	1,298
Dòng tiền tự do	89.7	340	603	210	401

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.93	7.01	7.15	7.13	7.13
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.01	8.18	8.79	8.81	8.85
Tỷ suất LNT (%)	4.61	4.27	4.31	4.22	4.24
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	20.1	10.9	11.1	13.6	11.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	17.6	13.4	19.2	14.0	11.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.79	1.44	12.3	11.4	12.0
Tăng trưởng EPS (%)	1.79	1.44	12.3	11.4	12.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.79	1.44	12.3	11.4	12.0
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(21.0)	16.3	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	78.4	61.1	63.2	56.8	60.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.9	27.9	31.0	31.4	31.9
ROACE (%)	30.3	29.5	30.7	31.9	32.6
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.79	1.88	2.00	2.16
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.88	1.60	1.49	0.88	0.98
Số ngày tồn kho	27.5	19.0	17.7	17.3	16.9
Số ngày phải thu	105	91.4	86.5	82.5	78.6
Số ngày phải trả	20.3	18.9	19.7	19.7	19.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	70.9	61.7	45.7	48.5	45.3
Nợ/tài sản (%)	32.0	28.7	32.3	31.0	29.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.4	25.2	17.9	19.1
Nợ/EBITDA (lần)	2.45	1.97	2.04	1.79	1.54
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.16	1.20	1.25
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.91	0.83	0.75	0.66	0.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.4	10.2	8.54	7.50	6.62
P/E (lần)	26.8	26.4	23.5	21.1	18.9
P/E ĐC (lần)	26.8	26.4	23.5	21.1	18.9
P/B (lần)	5.33	5.70	5.24	4.73	4.31
Lợi suất cổ tức (%)	2.92	2.31	2.69	2.69	3.23

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn